TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày 30 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Kiên

Ông Mùa A Phềnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/HSST ngày 09 tháng 01 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T** (tên gọi khác: Không có) - Sinh năm: 1988; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Thôn V, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Ê; bị cáo có vợ Trần Thị D (đã ly hôn), bị cáo có 01 người con sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2013/HSST ngày 17/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; nộp lại 200.000 đồng sung quỹ nhà nước. Ngày 20/9/2013 bị cáo đã thi hành xong phần án phí và tiền nộp sung quỹ nhà nước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 162/2018/HSST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 20/7/2018 bị cáo nộp toàn bộ án phí; Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/06/2019.

Ngày 18/01/2018, T bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Điện Biên xử

phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (theo quyết định số 73/QĐ-XPVPHC). Ngày 18/01/2018, T đã chấp hành xong khoản tiền phạt.

Tính đến ngày 30/10/2023 bị cáo đương nhiên được xóa án tích và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2023, sau đó bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ông Phạm Hồng H**, sinh năm 1981, Địa chỉ: Thôn Hợp Thành, xã Noong Hẹt, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút, ngày 30/10/2023, khi bị cáo T điều khiển xe mô tô Biểm kiểm soát 19H4-3226 đến khu vực thuộc bản Noong Ứng, xã Thanh An, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, phía sau T có chở một người thanh niên không quen biết xin đi nhờ thì bị tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an huyện Đ phối hợp đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện Đ yêu cầu dừng xe kiểm tra. Người thanh niên ngồi sau xuống xe bỏ chạy, tổ công tác đã tiến hành truy đuổi nH không bắt được. Tổ công tác kiểm tra T phát hiện, thu giữ tại túi quần bên trái T đang mặc có 01 túi ni lon màu xanh, bên trong chứa 4,64 gam Methamphetamine cùng chiếc xe mô tô. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do vào khoảng 17 giờ, ngày 30/10/2023 Trần Văn T đến nhà ông Phạm Hồng H ở thôn Hợp Thành, xã Noong Hẹt, huyện Đ mượn xe mô tô biển kiểm soát 19H4-3226, rồi điều khiển xe đến khu vực đường thuộc bản Xôm, xã Thanh An, huyện Đ, mục đích tìm mua ma tuý để sử dụng. Tại đây, T gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 01 túi Methamphetamine với giá 500.000 đồng. Mua xong, T cất túi ma tuý vào túi quần bên trái đang mặc và điều khiển xe về nhà thì bị phát hiện.

Tại Bản kết luận giám định số 1554/KL-KTHS ngày 06/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ của Trần Văn T là 4,64 gam. Mẫu các viên nén màu hồng thu giữ của Trần Văn T gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Hoàn lại đối tượng giám định 4,06 gam.

Tại Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSHĐB ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hồng H trình bày: Ông H và bị cáo T là họ hàng với nhau, ngày 30/10/2023 T có mượn ông H chiếc xe mô tô BKS: 19H4-3226 đi có việc, ông H không biết bị cáo mượn xe để đi mua ma túy. Chiếc xe mô tô ông H mua khoảng năm 2012 của người bán sắt vụn ở đường không biết tên địa chỉ với giá 1.000.000 đồng kèm giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Tiến Quảng. Trong quá trình sử dụng ông H làm mất giấy đăng ký xe và không đi làm thủ tục sang

tên. Ông H đề nghị Tòa án trả lại chiếc xe mô tô BKS: 19H4-3226 để ông làm phương tiện đi lại. Ngoài ra ông H không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 4,06 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định). Trả lại cho ông Phạm Hồng H 01 (một) xe mô tô gắn biển số: 19H4-3226, nhãn hiệu: FANLIMII, số loại: FR100S, màu sơn: Nâu, Dung tích xi lanh: 97cm^3 , số khung: NJ10020016137, số máy: LC150FMG01565062, xe đã cũ đã qua sử dụng (xe không có chìa khóa).

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Hồi 18 giờ 30 phút ngày 30/10/2023, tại bản Noong Ứng, xã Thanh An, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Trần Văn T có hành vi cất giấu trái phép trên người 4,64 gam Methamphetamine, mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nH để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của nhà nước về

chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã 1 lần bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản, 1 lần bị Tòa án xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và một lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Tính đến ngày 30/10/2023 bị cáo đương nhiên được xóa án tích và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nH là người có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 09 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, bị cáo làm ruộng, thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Bị cáo khai người bán ma tuý và người đi nhờ xe, bị cáo đều không biết tên, địa chỉ nên không có cơ sở giải quyết trong vụ án.

[10] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 4,06 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định) do là vật nhà nước cấm tàng trữ.

Đối với 01 (một) xe mô tô gắn biển số: 19H4-3226, nhãn hiệu FANLIMII, số loại: FR100S, màu sơn: Nâu, Dung tích xi lanh: 97cm^3 , số khung: NJ10020016137, số máy: LC150FMG01565062, xe đã cũ đã qua sử dụng (xe không có chìa khóa): Bị cáo mượn của ông Phạm Hồng H. Ông H khai nguồn gốc xe do ông H mua của một người bán sắt vụ không biết tên, địa chỉ bên đường, khi mua có giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Tiến Quảng, ông H không làm thủ tục sang tên và đã làm mất giấy tờ xe. Qua xác minh xác định:

người đứng tên đăng ký xe trên là ông Nguyễn Tiến Quảng, địa chỉ Trung Đoàn 98, sư đoàn 316, Quân khu 2, tuy nhiên Cơ quan điều tra xác minh tại Trung Đoàn 98, sư đoàn 316, Quân khu 2 thì được trả lời "không có thông tin quân nhân xuất ngũ, chuyển công tác hoặc đang công tác tại Trung đoàn 98 có tên là Nguyễn Tiến Quảng; Chính quyền địa phương nơi ông H cư trú xác nhận ông H sử dụng chiếc xe gắn biển số: 19H4-3226 từ khoảng năm 2013 đến nay, không có tranh chấp với ai; chiếc xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do đó xác định ông H đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe, hiện không có tranh chấp với ai, không có chứng cứ chứng minh chiếc xe do vi phạm pháp luật mà có. Ngày 30/10/2023, ông H cho bị cáo mượn xe, ông H không biết bị cáo mượn xe để sử dụng vào việc đi mua ma túy. Do vậy cần trả lại chiếc xe cho ông H.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 30/10/2023).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 4,06 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định).

Trả lại cho ông Phạm Hồng H 01 (một) xe mô tô có gắn biển số: 19H4-3226, nhãn hiệu: FANLIMII, số loại: FR100S, màu sơn: Nâu, Dung tích xi lanh: 97cm^3 , số khung: NJ10020016137, số máy: LC150FMG01565062, xe đã cũ đã qua sử dụng (xe không có chìa khóa).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/01/2024 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2024).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện ĐB;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ- CAHĐB;
- CA huyện ĐB;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện ĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện ĐB;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
	Nguyễn Thị Bằng